

Bản án số: 87/2023/DS-ST
Ngày: 12-7-2023
V/v “Tranh chấp quyền về lối đi qua”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B**

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ngọc Duyên.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Thành Đông
2. Ông Đỗ Thanh Tuyền

- **Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2022/TLST - DS ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền về lối đi qua*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2023/QĐXXST - DS ngày 14 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* 1.1 Ông Võ Văn U, sinh năm 1964; địa chỉ: tổ 12, ấp 5A, thị trấn G, huyện G, tỉnh B (có mặt).

1.2 Ông Phạm Minh Tâm, sinh năm 1963; địa chỉ: tổ 13, ấp 5A, thị trấn G, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

2. *Bị đơn:* bà Phạm Thị L (D), sinh năm 1976; địa chỉ: số 1004, tổ 10, ấp 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh B (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- 3.1. Bà Lê Thị C (B1), sinh năm 1972 (có mặt);
- 3.2. Chị Võ Thị Bé T, sinh năm 1988;
- 3.3. Anh Võ Minh P, sinh năm 1995;

Người đại diện theo ủy quyền của chị T, anh P: ông Võ Văn U, sinh năm 1964; địa chỉ: tổ 12, ấp 5A, thị trấn G, huyện G, tỉnh B (có mặt).

- 3.4. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1979 (vắng có đơn);
 - 3.5. Bà Nguyễn Minh H, 39 tuổi (vắng có đơn);
- Cùng địa chỉ: tổ 12, ấp 5A, thị trấn G, huyện G, tỉnh B.

3.6. Chị Võ Thị Minh T1, sinh năm 1991; địa chỉ: số 68, ấp B1, xã B2, huyện G, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Võ Văn U (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền là anh Võ Minh P, chị Võ Thị Bé T) trình bày:

Thửa đất 25, tờ bản đồ 28, diện tích 521,2m², mục đích sử dụng CN, tọa lạc tại ấp 5A, thị trấn G (G, B) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ gia đình ông, do ông là chủ hộ đại diện đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được UBND huyện G cấp vào ngày 24/12/2002.

Thửa đất 25 có vị trí nằm phía trong, bị vây bọc bởi các thửa đất khác. Gia đình ông muốn đi ra lộ công cộng phải đi qua thửa đất 7, tờ bản đồ 42 của bà Phạm Thị Lan. Lối đi hiện ông yêu cầu mở mặc dù thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Lan, nhưng gia đình ông đã sử dụng trên 50 năm. Trước đây, do thửa đất 7 để trống nên xe lỏi qua lại rất thuận tiện; sau này gia đình bà L cất nhà ở. Đến năm 2021, do nước đọng, ngập lỏi đi nên gia đình ông xin bà L cho đổ đá xanh trên lỏi đi nhưng bà L không đồng ý, từ đó hai bên phát sinh tranh chấp. Sau đó, bà L xây trụ hàng rào thu hẹp lỏi đi, chỉ chừa chiều ngang khoảng 0,5m, gia đình ông qua lại rất khó khăn.

Lối đi trên là lối đi duy nhất, thuận tiện nhất cho gia đình ông, ngoài lối đi này, gia đình ông không còn lối đi nào khác nên. Do đó ông yêu cầu bà L mở lối đi có diện tích 8,1m², chiều cao 2,5m thuộc một phần thửa đất 07, tờ bản đồ 42. Ông đồng ý đền bù giá trị đất và tài sản trên đất theo quy định pháp luật nếu yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Ông đồng ý bản vẽ ngày 12/12/2022 và biên bản định giá ngày 01/12/2022 làm cơ sở giải quyết vụ án, không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Minh Tâm trình bày:

Trên thửa đất 25, tờ bản đồ 28, diện tích 521,2m² mục đích sử dụng CN, tọa lạc tại ấp 5A, thị trấn G (G, B) của ông U, có căn nhà của ông cất trên diện tích đất 133m². Phần đất trên do ông nhận chuyển nhượng từ ông U vào năm 1994. Phần lối đi trên thửa đất 7 của bà Lan, gia đình ông sử dụng cùng với gia đình ông U từ năm 1994. Đến năm 2021, bà L mới xây trụ rào thu hẹp lại lối đi trên.

Tuy nhiên, do diện tích đất ông nhận chuyển nhượng từ ông U chưa được sang tên quyền sử dụng đất, căn nhà của ông trên đất cũng chưa đăng ký quyền sở hữu nên ông rút lại yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền về lối đi qua với bà Lan.

Theo bản tự khai ngày 17/6/2022 và trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Bà là chủ sử dụng thửa đất số 7, tờ bản đồ 42, diện tích 132m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày

10/02/2020. Thửa đất 7 có vị trí phía ngoài giáp đường công cộng, phía trong giáp thửa đất 25, tờ bản đồ 28 của hộ gia đình ông U.

Thửa đất số 7 có nguồn gốc của bà Trần Thị Trích (mẹ của bà, chết năm 2021), chuyển quyền lại cho bà vào năm 2020. Trên thửa đất này thực tế không có lối đi chính thức mà chỉ là lối đi tự phát do các nguyên đơn tự ý sử dụng. Do các nguyên đơn là hàng xóm sống lân cận nên gia đình bà cho đi tạm. Trong đó, gia đình ông U sử dụng khoảng 30 năm, gia đình ông Tâm sử dụng khoảng 28 năm (từ năm 1994).

Hiện trạng thửa đất 7 trước đây là đất trống. Sau này gia đình bà có cất nhà ở trên đất. Năm 2021, gia đình ông U xin bà cho đổ đá xanh trên đất tranh chấp. Mặc dù bà không đồng ý nhưng gia đình ông U vẫn tự ý thực hiện nên hai bên phát sinh tranh chấp. Sau đó, bà xây trụ làm hàng rào, chỉ chừa lại một phần cho các nguyên đơn đi tạm có chiều ngang khoảng 0,6m.

Bà thừa nhận từ trước đến nay, nguyên đơn chỉ sử dụng lối đi trên thửa đất số 7 và không có đồng thời sử dụng lối đi nào khác. Tuy nhiên do đất của bà quá nhỏ, diện tích chung của cả thửa chỉ có 132m², cạnh ngoài giáp lộ công cộng là 9,05m, cạnh trong giáp thửa 25 của ông U là 5,41m, nếu mở rộng lối đi theo yêu cầu khởi kiện của ông U sẽ ảnh hưởng nhiều đến quyền lợi hợp pháp của bà. Trong khi đó, giáp với thửa đất số 7 là thửa đất số 8 cũng có hiện trạng là đất trống, mặc dù đã có hàng rào riêng biệt nhưng ông U vẫn có thể thương lượng với chủ sử dụng đất để mở lối đi. Do đó, bà không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu khởi kiện của ông U với diện tích 8,1m² thuộc thửa 7b, 7c, chỉ đồng ý cho ông U đi tạm trên phần diện tích 7,4m² thuộc thửa 7c, chiều cao 2,5m nhưng sau này cũng sẽ rào lại khi có nhu cầu sử dụng đất.

Bà đồng ý bản vẽ ngày 12/12/2022 và biên bản định giá ngày 01/12/2022 làm cơ sở giải quyết vụ án, không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

** Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C và chị Võ Thị Minh T1 trình bày:* thống nhất với trình bày của ông U, đồng ý bản vẽ ngày 19/10/2022 và biên bản định giá ngày 29/9/2022 làm cơ sở giải quyết vụ án, không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

** Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Minh H trình bày:* trên phần lối đi hiện nguyên đơn tranh chấp có tài sản của ông bà là hàng rào và trụ bê tông cốt thép (phía trên hàng rào). Ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông U.

Tại phiên tòa:

- Ông Võ Văn U (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền là anh Võ Minh P, chị Võ Thị Bé T) giữ nguyên trình bày, yêu cầu bà L mở lối đi có diện tích 8,1m², chiều cao 4m thuộc thửa 7c, 7b, tờ bản đồ 42. Ông đồng ý đền bù giá trị đất tranh chấp cho bà L số tiền là 27.000.000 đồng, đền bù giá trị tài sản trên đất tranh chấp cho ông L và bà H số tiền là 3.000.000 đồng.

- Bà Phạm Thị L giữ nguyên trình bày, không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu khởi kiện của ông U, chỉ đồng ý cho ông U đi tạm trên phần diện tích 7,4m² thuộc thửa đất 7c nhưng sau này cũng sẽ rào lại khi có nhu cầu sử dụng đất.

- Bà Lê Thị C, chị Võ Thị Minh T1 giữ nguyên trình bày, thống nhất với trình bày của ông U.

- Ông Phạm Minh Tâm, ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Minh H vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: sau khi nhận đơn khởi kiện; các tài liệu, chứng cứ kèm theo và xem xét có đủ điều kiện thụ lý; Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo đúng quy định so với Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại các điều 204, 97, 205, 208, 209, 210, 211 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành các hoạt động tố tụng theo đúng quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa.... Như vậy, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại các điều 239, 243, 247, 248, 249, 258, 260 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Thư ký phiên tòa đã thực hiện các công việc chuẩn bị khai mạc phiên tòa và các nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định tại Điều 237 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Nguyên đơn ông Phạm Minh Tâm và ông Võ Văn U (đồng thời đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Bé T, anh Võ Minh P) đã tuân thủ và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn bà Phạm Thị L đã tuân thủ và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C, chị Võ Thị Minh T1, ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Minh H thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Ngày 01/12/2023, ông L, bà H yêu cầu giải quyết vắng mặt, phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: căn cứ Điều 254 Bộ luật Dân sự; Điều 171 Luật Đất đai; Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn U. Buộc bà Phạm Thị L mở cho ông Võ Văn U lối đi đo đạc thực tế diện tích 8.1 m² (thửa 7b + 7c), chiều cao 04 mét, tờ bản đồ số 42, tại ấp 5A, thị trấn G (G, B), do bà Phạm Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Buộc bà Phạm Thị Lan, ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Minh H di dời hoặc phá bỏ hàng rào và trụ bê tông cốt thép (phía trên hàng rào) trên thửa đất số 7, tờ bản đồ số 42 để mở lối đi cho ông Võ Văn U. Buộc ông Võ Văn U trả cho bà Phạm Thị L giá trị đất số tiền 27.000.000 đồng và trả cho ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Minh H giá trị tài sản (hàng rào, trụ bê tông cốt thép) số tiền 3.000.000 đồng.

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh Tâm về việc yêu cầu bà Phạm Thị L mở lối đi trên thửa đất số 7, tờ bản đồ số 42, tại ấp 5A, thị trấn G (G, B).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Minh Tâm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Minh H vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Võ Văn U yêu cầu bà Phạm Thị L mở lối đi qua đo đạc thực tế có diện tích 8.1m² (thửa 7b, 7c), chiều cao 04 mét thuộc một phần thửa đất số 7, tờ bản đồ 42, tọa lạc tại thị trấn G (G, B), do bà L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xác minh có cơ sở xác định thửa đất 25, tờ bản đồ 28 của hộ gia đình ông U có vị trí phía trong, không giáp đường công cộng, bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề của các chủ sử dụng khác, trong đó có thửa đất số 7, tờ bản đồ 42 của bà Phạm Thị Lan. Phần đất ông U yêu cầu mở lối đi có diện tích là 8,1m², tọa lạc tại thị trấn G (G – B) T1ộc thửa đất 7b, 7c, tờ bản đồ 42 hiện do bà L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 10/02/2020. Phần đất tranh chấp là lối đi cũ, gia đình ông U đã sử dụng từ trước năm 1975 để ra đường công cộng. Năm 2021, hai bên mới phát sinh mâu thuẫn, bà L xây trụ làm hàng rào T1 hẹp lối đi, chỉ chừa lại phần diện tích 7,4m² (thửa 7c) cho gia đình ông U tạm sử dụng nên hai bên phát sinh tranh chấp.

[2] Xét trình bày của bà L cho rằng diện tích thửa đất số 7 của bà khá nhỏ, chiều ngang giáp lộ công cộng là 9,05m, chiều ngang giáp đất của ông U là 5,41m, việc mở lối đi theo yêu cầu nguyên đơn sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà. Ngoài ra, giáp với thửa đất số 7 của bà là thửa đất số 8 cũng có hiện trạng là đất trống, mặc dù trước đây ông U chưa từng sử dụng làm lối đi và hiện trạng đất cũng đã có hàng rào bao bọc nhưng nguyên đơn vẫn có thể khởi kiện để sử dụng. Do đó, bà chỉ đồng ý cho ông U tạm thời đi trên phần diện tích 7,4m² thuộc thửa 7c, nhưng sẽ rào lại đất khi có nhu cầu sử dụng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù diện tích đất của bà L không lớn, hai cạnh giáp lộ công cộng và đất của nguyên đơn chỉ có độ dài là 9,05m và 5,41m. Tuy nhiên, lối đi nguyên đơn yêu cầu mở là lối đi cũ, so sánh với vị trí đất của các chủ sử dụng khác thì thuận tiện và hợp lý nhất. Thửa đất số 8 có vị trí giáp với thửa đất số 7 của bà L mặc dù có hiện trạng là đất trống nhưng cũng đã có hàng rào bao bọc. Bên cạnh đó, ngoài lối đi hiện ông U tranh chấp, ông U không có sử dụng lối đi nào khác; diện tích lối đi hiện ông U yêu cầu mở cũng tương đối nhỏ, chỉ có 8,1m²; trong đó chiều rộng tại vị trí giáp lộ công cộng là 0,84m (0,56m + 0,7m), chiều rộng tại vị trí giáp với đất của ông U là 0,41m. Nếu không mở lối đi hoặc mở lối đi cho ông U với phần diện tích 7,4m² (thửa 7c) với chiều rộng của

lối đi tại vị trí giáp lộ công cộng là 0,56m sẽ khó khăn cho gia đình nguyên đơn khi lưu thông hoặc vận chuyển. Trong khi đó, tại Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ. Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là T1ận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi...*”. Do đó, nhằm đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của ông U, sau khi đã xem xét đến đặc điểm cụ thể của vị trí đất tranh chấp, lợi ích trong việc sử dụng đất cũng như mức độ thiệt hại gây ra cho bà Lan, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu mở lối đi với diện tích đất 81m² thuộc thửa đất 7b, 7c, tờ bản đồ 42 của ông U là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[4] Qua xem xét, thẩm định tại chỗ, hiện trạng đất tranh chấp đã hình thành lối đi ra lộ công cộng, trên đất không có hoa màu, chỉ có hàng rào và trụ bê tông cốt thép (phía trên hàng rào) của ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Minh H. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy việc mở lối đi cho ông U là cần thiết, phù hợp với quy định pháp luật nhưng ít nhiều đã ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của bà Lan. Do đó, ông U phải đền bù giá trị đất tranh chấp cho bà L và đền bù giá trị tài sản trên đất tranh chấp cho ông L và bà H là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015 “*Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, ...*”.

[5] Kết quả định giá tài sản thể hiện: giá đất thị trường là 3.000.000 đồng/m², hàng rào và trụ bê tông trên đất tranh chấp trị giá 1.044.295 đồng. Tại phiên tòa, ông U đồng ý đền bù giá trị đất cho bà L là 27.000.000 đồng; đền bù giá trị tài sản trên đất cho ông L và bà H là 3.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của ông U, giá trị mà ông U tự nguyện đền bù là cao hơn so với giá Hội đồng định giá đã định, có lợi cho bà Lan, ông L, bà H và cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Minh Tâm về việc yêu cầu bà Phạm Thị L mở lối đi trên thửa đất số 07, tờ bản đồ số 42, tại ấp 5A, thị trấn G (G, B) do bà L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù ông Tâm có nhà trên thửa đất 25, tờ bản đồ 28 nhưng diện tích đất ông Tâm hiện sử dụng vẫn do ông U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, căn nhà trên đất cũng không đăng ký quyền sở hữu nên chưa đảm bảo về quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, ông Tâm rút yêu cầu khởi kiện. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của ông Tâm là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự nên đình chỉ giải quyết.

[7] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về chi phí tố tụng (đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ, bản đồ tổng thể...): 3.380.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông U đồng ý chịu (đã

nộp xong) nên Hội đồng xét ghi nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: các đương sự phải chịu theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 157, 165, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn U.

Buộc bà Phạm Thị L mở cho ông Võ Văn U lối đi qua đo đạc thực tế diện tích 8,1 m², chiều cao 04m thuộc thửa đất số 7b, 7c, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại ấp 5A, thị trấn G (G, B), do bà Phạm Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có bản vẽ kèm theo).

Buộc bà Phạm Thị Lan, ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Minh H di dời hoặc phá bỏ hàng rào và trụ bê tông cốt thép (phía trên hàng rào) trên diện tích đất 8,1 m² T1ộc thửa đất số 7b, 7c, tờ bản đồ 42 để mở lối đi cho ông Võ Văn U (có bản vẽ kèm theo).

Buộc ông Võ Văn U có nghĩa vụ đền bù cho bà Phạm Thị L giá trị đất số tiền là 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) và có nghĩa vụ đền bù cho ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Minh H giá trị tài sản (hàng rào, trụ bê tông cốt thép) số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh Tâm về việc yêu cầu bà Phạm Thị L mở lối đi trên thửa đất số 7, tờ bản đồ 42, tọa lạc tại ấp 5A, thị trấn G (G, B) do bà L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Chi phí tố tụng (đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ, bản đồ tổng thể...): 3.380.000đ (ba triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) nguyên đơn ông Võ Văn U đồng ý chịu (đã nộp xong).

4. Án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch:

- Bà Phạm Thị L phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).
- Trả lại nguyên đơn ông Võ Văn U số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai T1 tiền số 0007220 ngày 27/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B.
- Nguyên đơn ông Phạm Minh Tâm do là con liệt sĩ đã được xem xét miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét việc hoàn lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa T1ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện G;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Đông

Đỗ Thanh Tuyền

Đặng Thị Ngọc Duyên

